

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN “CỤM CÔNG NGHIỆP ĐẠI LÂM 2”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Cụm công nghiệp Đại Lâm 2.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Đại Lâm và xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang (cũ), nay là xã Lạng Giang và xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty CP xây dựng 179.

1.2. Quy mô, công suất:

- Quy mô xây dựng các hạng mục công trình của dự án, bao gồm: San nền; đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải; hệ thống đường giao thông nội bộ; hệ thống cây xanh; hệ thống phân phối nước cấp; hệ thống cấp điện; thông tin liên lạc; hệ thống chiếu sáng; trạm xử lý nước thải tập trung và các hạng mục phụ trợ.

- Quy mô: 600.000m².

+ Diện tích đất hành chính dịch vụ: 13.057m².

+ Diện tích công nghiệp: 400.565m².

+ Diện tích đất cây xanh mặt nước: 101.536m².

+ Diện tích đất giao thông, bãi đỗ xe: 77.837m².

+ Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật: 7.005m².

- Xây dựng kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Đại Lâm 2. Các ngành nghề thu hút đầu tư, bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành nghề kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
2	Sản xuất đồ uống	C11
3	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	C12
4	Dệt (bao gồm nhuộm), công nghiệp phụ trợ khác	C13
5	Sản xuất trang phục (bao gồm nhuộm)	C14
6	Sản xuất thiết bị điện	C27
7	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành nghề kinh tế Việt Nam
8	Viễn thông và truyền thông	J61, J62, J63
9	Cơ khí chế tạo	C25, C28
10	Thiết bị, dụng cụ y tế	C32.50
11	Dược phẩm, hóa dược, dược liệu	C21
12	Chế biến nông, lâm sản	C10, C16
13	Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C29, C30, C31, C32, C33
14	Công nghiệp hỗ trợ	C26, C27, C28
15	Cho thuê kho, bãi, nhà xưởng	L68

1.3. Quy trình hoạt động của dự án:

Đầu tư xây dựng hạ tầng → Cho các công ty khác thuê → Thu tiền thuê đất.

1.4. Phạm vi:

1.4.1. Các hạng mục công trình:

STT	Hạng mục	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất hành chính dịch vụ	13.057	2,18
2	Đất công nghiệp	400.565	66,76
3	Đất cây xanh - mặt nước	101.536	16,92
3.1	Đất cây xanh	65.000	10,83
3.2	Đất mặt nước	36.536	6,09
4	Đất giao thông, bãi đỗ xe	77.837	12,97
4.1	Đất giao thông nội bộ	74.872	12,48
4.2	Đất bãi đỗ xe	2.965	0,49
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	7.005	1,17
Tổng cộng		600.000	100,00

- Các hạng mục công trình chính: Đất nhà điều hành, diện tích 4,256m²; đất công nghiệp, diện tích 400.565m²; đất giao thông đường nội bộ, diện tích 77.837m².

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Khu vực xử lý nước thải công suất 2.400m³/ngày.đêm; hồ sự cố có dung tích 2.400m³; khu vực lưu giữ

chất thải rắn sinh hoạt diện tích 10m²; khu vực chứa bùn thải diện tích 10m²; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) diện tích 15m².

- Hoạt động không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: Đền bù, giải phóng mặt bằng; Khai thác và vận chuyển vật liệu san nền ngoài phạm vi dự án (do nhà cung cấp thực hiện).

1.4.2. Các hoạt động của dự án:

- Giải phóng mặt bằng, bóc lớp đất hữu cơ, bùn đáy mương;
- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng phục vụ dự án;
- Thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án: San nền; đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải; hệ thống đường giao thông nội bộ; hệ thống cây xanh; hệ thống phân phối nước cấp; hệ thống cấp điện; thông tin liên lạc; hệ thống chiếu sáng; trạm xử lý nước thải tập trung; kho lưu chứa CTNH; hồ sự cố; khu vực lưu chứa bùn thải và nhà điều hành;

- Thi công các hạng mục công trình chính của dự án;

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào dự án;

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Trong phạm vi dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- San nền, bóc lớp đất bề mặt và đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng của dự án.

- Sinh hoạt của người lao động phục vụ dự án tại các công trường thi công.

- Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công và đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Sinh hoạt của công nhân viên thực hiện quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật CCN tại khu nhà điều hành.

- Thu gom nước thải sau xử lý sơ bộ từ các dự án thứ cấp trong CCN về trạm XLNT công suất 2.400m³/ngày.đêm, đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành CCN.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường phát sinh $9\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bở, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N/P) và vi sinh gây bệnh (Coliforms/E.Coli),...

+ Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động sau: Nước bảo dưỡng máy móc $2\text{m}^3/\text{ngày}$; nước vệ sinh máy móc $5\text{m}^3/\text{ngày}$; nước làm mát máy móc $4\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là COD, TSS, dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người lao động tham gia quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật phát sinh tại dự án là $188\text{m}^3/\text{ngày}$ và nước thải phát sinh từ việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật là $19,6\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật gây bệnh, các kim loại nặng.

+ Nước thải từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh tại các cơ sở thứ cấp trong CCN phát sinh nước thải với tổng lưu lượng khoảng $1.802,5\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và một số vi sinh vật, kim loại nặng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Giai đoạn thi công:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị thi công các hạng mục công trình của dự án, đào móng công trình, quá trình sơn hàn, các phương tiện vận chuyển nguyên liệu xây dựng,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x , SO_2 , THC,...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động giao thông của các phương tiện ra vào các khu vực chức năng của dự án.

3.2. Chất thải rắn, CTNH:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phục vụ tại dự án, với khối lượng $120\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu

gồm: Bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

+ Chất thải rắn xây dựng: Gạch đá vụn, xi măng, sắt thép vụn, bao xi măng, bao bì carton, bao nhựa PP, PE,... trong suốt quá trình thi công xây dựng có khối lượng khoảng 162,78 tấn.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động hằng ngày của dự án, bao gồm các loại rác vô cơ (bao bì, giấy, túi nilon,...) và các chất hữu cơ dễ phân hủy, khoảng 14 kg/ngày.

+ Chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động khu điều hành dịch vụ và trạm XLNT tập trung như: Bìa carton, giấy vụn,... ước tính khoảng 10,75 tấn/năm; Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động quét dọn vệ sinh đường giao thông và cắt tỉa cây xanh tạo cảnh quan như lá cây rơi và cây xanh cắt tỉa,... ước tính khoảng 1 tấn/năm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của CTNH:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Que hàn, cặn sơn, sơn, cọ sơn, bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa sơn thải), bao bì cứng thải bằng kim loại, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại,... phát sinh khối lượng khoảng 27,09 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành của dự án: CTNH dự kiến phát sinh khoảng 1.521 kg/năm, gồm: bóng đèn hỏng, mực in, hộp mực in, dầu mỡ, vỏ bao hóa chất, giẻ lau dính dầu,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải phải kiểm soát:

- Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình XLNT của trạm XLNT tập trung khoảng 148 kg/ngày tương đương 54.000 kg/năm. Bùn từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước thải với khối lượng 1.100 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy đào, máy xúc, xe trộn bê tông, xe lu, xe ủi ...),...

- Giai đoạn vận hành: Khi dự án đi vào hoạt động, nguồn tiếng ồn và độ rung chủ yếu là do các phương tiện giao thông, các máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng phát ra tiếng ồn trong khu vực dự án gây ra.

3.4. Các tác động khác:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tác động liên quan công tác thu hồi đất và giải phóng mặt bằng, tác động đến đa dạng sinh học tại khu vực; sự cố mất an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng; an toàn giao thông.

- Giai đoạn vận hành: Sự cố cháy nổ phát sinh từ các sự cố điện, nguy cơ tai nạn giao thông trong khu vực, sự cố trạm xử lý nước thải...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: lắp đặt 09 nhà vệ sinh (thể tích bồn 1.000l) công cộng trong khu vực xây dựng; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển trên công trường được thu gom vào hệ thống rãnh thu kích thước $L \times B = (0,8 \times 0,6)$ m và hố lắng có dung tích khoảng $4,5 \text{ m}^3$ /hố kích thước ($L \times B \times H$) khoảng $(1,5 \times 1,5 \times 2)$ m tại mỗi công trường; Đối với nước từ cầu rửa xe: phía dưới cầu rửa xe có bố trí bồn chứa nước có thể tích 5 m^3 kích thước ($L \times B \times H$) khoảng $(1,25 \times 2 \times 2)$ m gồm 3 ngăn (áp dụng nguyên lý xi phong) có chức năng tách rác, tách dầu.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước thải: Nước thải được thu gom bằng tuyến ống HDPE D400 về hệ thống xử lý nước thải của dự án.

+ Nước thải: Đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 2.400 m^3 /ngày đêm, công nghệ xử lý bằng phương pháp hoá lý kết hợp sinh học.

+ Quy trình xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Tách rác thô → Bể gom → Tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Thiết bị xáo trộn tinh → Bể Selector → Bể SBR → Bể trung gian → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Ngòi Đại Giáp.

+ Điểm xả thải: Hệ thống thoát nước của khu vực là K6+100 trên kênh tiêu Ngòi Đại Giáp, là tuyến kênh nhánh của kênh tiêu Ngòi Mân và chảy ra kênh Ngòi Mân tại K0+00. Toạ độ đầu nối nước thải: X (m) = 2359065, Y (m) = 426190 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107° , múi chiếu 3°).

- Tiêu chuẩn xả thải: Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra ngoài môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Áp dụng quy trình thi công cuốn chiếu và chia làm nhiều phân đoạn mỗi phân đoạn dài 40 m đến 60 m; thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng và giám sát thi công trên công trường.

+ Các khu vực nền đất đào đắp xong tới đâu được lu lèn bảo đảm độ cứng theo thiết kế ngay tới đó để tránh phát sinh bụi.

+ Che chắn những khu vực phát sinh bụi và thường xuyên tưới nước đường giao thông nội bộ, các khu vực bị xáo trộn trong quá trình xây dựng dự án, tần suất 01 lần/ngày.

+ Không tập trung các thiết bị thi công cơ giới hoạt động cùng một lúc, tại một vị trí để hạn chế lượng khí thải phát tán gây ô nhiễm cục bộ. Sử dụng máy móc thi công đã được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia thi công, như: Mũ, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động...

- Giai đoạn vận hành:

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật để kiểm soát và giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải: Lắp đặt hệ thống xử lý mùi từ trạm XLNT công suất 5.000 m³/h.

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm tạo cảnh quan cho khu vực, hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa không khí. Các thùng chứa chất thải của các khu vực phải có nắp đậy, không để chất thải tồn đọng quá lâu để tránh bốc mùi.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:

Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH và chất thải phải kiểm soát, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Đối với chất thải rắn xây dựng: Các chất thải như đất, đá, vật liệu xây dựng... được thu gom và sử dụng để san lấp mặt bằng khu vực dự án; Các chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: vỏ bao xi măng, đầu mẩu thép, tôn, gỗ... được thu gom và bán cho tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu; Các thành phần còn lại được tập trung lại tại kho chứa chất thải tạm thời. Kho chứa có kích thước 2m x 10m x 3m, vách tôn và có mái che.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 3 thùng rác loại 200 lít đối với mỗi khu lán trại để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại công trường thi công. Hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Giai đoạn vận hành:

+ Đối với chất thải rắn thông thường: Thu gom, phân loại và bố trí vào kho lưu giữ chất thải rắn thông thường, với diện tích 10m² và hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí khoảng 03 thùng chứa 220 lít có nắp đậy và dán nhãn chất thải sinh hoạt để nhân viên bỏ vào thùng tại khu vực

đặt trạm XLNT; Bố trí khoảng 04 thùng chứa 220 lít có nắp đậy và dán nhãn chất thải sinh hoạt để nhân viên bỏ vào thùng tại khu vực nhà điều hành CCN. Công ty ký kết với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt tần suất 1 ngày/lần

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bố trí 06 thùng rác chuyên dụng loại thùng composite RV75 (240L tương ứng với từng loại chất thải để thu gom CTNH. Thu gom giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, thiết bị, chi tiết điện, điện tử hỏng, cặn dầu mỡ thải phát sinh sẽ được thu gom và lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời (kho chứa có kích thước 2m x 10m x 3m, vách tôn và có mái che), sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

+ Dầu mỡ thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng và sửa chữa các phương tiện vận chuyển, máy móc và thiết bị thi công được phân loại là CTNH theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT.

+ Ký hợp đồng với chủ vận chuyển và xử lý CTNH đã được cấp giấy phép quản lý CTNH theo đúng quy định.

+ Thu gom và lưu chứa toàn bộ các loại CTNH phát sinh theo quy định và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Thu gom và phân loại rác vào các thùng chứa chất thải có nắp đậy trong khu vực dự án.

+ Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 15m², theo đúng quy cách, có mái che, tường kín, sàn đổ bê tông, có rãnh thu gom tránh chất thải rò rỉ, có bờ bao chống tràn, có dán nhãn và mã đối với từng loại CTNH, có biển hiệu cảnh báo, đảm bảo lưu chứa an toàn, chống thấm, chống tràn đổ.

+ Thu gom, tập kết toàn bộ CTNH về kho lưu chứa CTNH của dự án; định kỳ chuyển giao toàn bộ CTNH của dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với bùn thải phát sinh từ quá trình XLNT: thu gom và tạm lưu giữ tại khu vực thu gom bùn có diện tích 100 m² và chuyển giao đơn vị có chức năng ngay khi đủ khối lượng cho phương tiện vận chuyển.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ dự án đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và BVMT.

+ Chỉ sử dụng các phương tiện, máy móc thi công đã qua đăng kiểm và đảm bảo chất lượng theo quy định. Thường xuyên tiến hành bảo dưỡng máy móc, thiết bị phương tiện vận chuyển.

+ Thời gian thi công từ 7h – 11h30 và từ 13h – 17h30, tránh tình trạng bố trí các phương tiện, máy móc và thiết bị thi công gần nhau hoặc hoạt động trong cùng một lúc. Không vận hành vào các giờ nghỉ trưa, tối.

+ Bố trí thời gian vận hành hợp lý giữa các máy móc thiết bị thi công.

+ Lắp dựng hàng rào trong trường hợp bao quanh vị trí thi công đoạn qua các khu vực nhạy cảm với tiếng ồn (khu dân cư).

+ Trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân, có mũ chụp tai hoặc nút chống ồn bằng chất dẻo.

+ Biện pháp kiểm soát mức rung từ hoạt động thi công: Sử dụng các thiết bị có chống ồn và chống rung tốt, quan trắc tiếng ồn tại các khu vực thi công để kịp thời thực hiện các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu thích hợp.

- Giai đoạn vận hành: Giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại ra vào khu vực dự án bằng biện pháp trồng cây xanh xung quanh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

4.4. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): Không có.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.

4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ: Không có.

4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động trong quá trình thi công xây dựng.

+ Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các công rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Giai đoạn vận hành dự án:

+ Bố trí nhân sự có đủ trình độ chuyên môn để vận hành hệ thống, đảm bảo hoạt động liên tục và ổn định. Vận hành đúng thao tác, kỹ thuật để hệ thống ổn định, hạn chế xảy ra sự cố. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng và thay thế thiết bị theo các khuyến cáo của đơn vị thiết kế và nhà cung cấp thiết bị để hạn chế xảy ra sự cố. Kiểm tra hiện trường hằng ngày/hàng ca, để nhanh chóng phát hiện các máy móc, thiết bị có dấu hiệu bất thường, các sự cố rò rỉ đường ống.

+ Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt luôn được trang bị thiết bị dự phòng để được thay thế kịp thời trong trường hợp sự cố xảy ra. Trường hợp cả 2 hệ thống thiết bị chính và dự phòng cùng gặp sự cố, Chủ dự án phải dừng sản xuất, bơm nước thải về các bể thu gom và bể chứa nước thải tái sử dụng để lưu trữ tạm, đồng thời thông báo đến các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương và nhanh chóng khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước thải về bể điều hoà ban đầu, vận hành hết công suất thiết kế để xử lý đáp ứng yêu cầu, đảm bảo không thải nước thải ra ngoài môi trường.

+ Bố trí hồ sự cố nước thải với tổng thể tích là 2.400m³.

4.4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ: Không có.

4.4.6. Các công trình, biện pháp khác:

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của sự cố cháy nổ:

+ Xây dựng, lắp đặt các công trình PCCC bên trong và bên ngoài tòa nhà theo thiết kế cơ sở và thiết kế PCCC được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm duyệt, đảm bảo các loại vật liệu xây dựng đủ tiêu chuẩn về cách điện, cách nhiệt và bậc chịu lửa của các công trình. Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống báo cháy và PCCC theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

+ Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và tập huấn giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho cán bộ, nhân viên. Xây dựng nội quy PCCC nơi làm việc và yêu cầu cán bộ, công nhân viên thực hiện. Định kỳ diễn tập ứng phó với sự cố cháy nổ theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu

tại Mục 4 trong Tờ trình này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện dự án.

5.2. Giám sát môi trường:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Giám sát chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và CTNH:

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Trong giai đoạn vận hành:

* Chương trình giám sát nước thải tự động:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung tại mương quan trắc.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

+ Tần suất giám sát: liên tục 24/24 giờ.

+ Tiêu chuẩn so sánh: Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra ngoài môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

* Chương trình giám sát nước thải định kỳ:

+ Thông số giám sát: Độ màu, pH, BOD₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Crom (VI), Tổng Crom, Xianua, Tổng phenol, Dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Clo dư, Coliform, Phenol, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion.

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung tại mương quan trắc.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn xả thải: Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra ngoài môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường, như sau:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình triển khai dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để

hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và ảnh hưởng xấu đến các khu vực liền kề.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, CTNH phát sinh từ hoạt động của dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của dự án.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.